

DANH SÁCH QUẢN LÝ HỘ NGHÈO NĂM 2019

STT hộ	STT nhân khẩu	Mã số hộ	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Giới tính	Ngày sinh			Dân tộc	Trình độ	Nghề nghiệp (ghi cụ thể)	BTXH đang hưởng (nếu có)	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản										Ghi chú
				Số nhà	Khóm			N	T	NS					B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	2	3	4	5		6	7	8			9	10	11	12	13		14										15
			KHÓM BÌNH ĐỨC 1																								
1	1	0012	Lê Thị Thương	Tổ 59	BĐ1	1	2			1940	1		MSLĐ	x	115	20				x	x						HNC
	2		Huỳnh Văn Lăng			3	1			1964	1		Làm thuê														
	3		Huỳnh Thị Diệp			3	1	3	5	1980	1		Làm thuê														
	4		Huỳnh Phước Hận			6	1	10	10	2004	1	2	Làm thuê														
	5		Huỳnh Thị Yến			3	2			1984	1		Làm thuê														
	6		Huỳnh Hữu Cường			6	1	24	9	2013	1		Còn nhỏ														
	7		Huỳnh Hữu An			6	1	16	7	2016	1		Còn nhỏ														
	8		Huỳnh Thị Như Ý			6	1	1	8	2018	1		Còn nhỏ														
2	9	0016	Trần Kim Thảo	Tổ 60	BĐ1	1	2			1973	1		Làm thuê	x	85	40		x		x	x	x					HNC
	10		Phan Kim Hương			3	2			1997	1		Làm thuê														
	11		Phan Văn Thom			3	1			2000	1		Làm thuê														
	12		Phan Kim Thoa			3	2			2005	1	2	Nghi học														
	13		Trần Thị Hồng Thắm			3	2			2013	1		Mẫu giáo														
3	14	0021	Nguyễn Văn Vũ	Tổ 60	BĐ1	1	1			1977	1		Làm thuê	x	140	30				x	x	x					HNC
4	15	0026	Phạm Ngọc Anh	Tổ 70	BĐ1	1	1			1949	1		MSLĐ	x	115	20				x	x						HNC
	16		Trần Thị Kiều			2	2			1949	1		MSLĐ														
5	17	0038	Nguyễn Thị Hường	Tổ 72	BĐ1	1	2			1945	1		MSLĐ	x	90	10				x							HNC

STT hộ	STT nhân khẩu	Mã số hộ	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Giới tính	Ngày sinh			Dân tộc	Trình độ	Nghề nghiệp (ghi cụ thể)	BTXH đang hưởng (nếu có)	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản										Ghi chú
				Số nhà	Khóm			N	T	NS					B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	2	3	4	5		6	7	8			9	10	11	12	13		14										15
6	18	0041	Lý Thị Chín	Tổ 62	BĐ1	1	2	20	3	1981	1		Làm thuê	x	130	40		x		x	x	x					HNC
	19		Lê Minh Khang			3	1	16	6	2004	1	2	Nghỉ học														
	20		Lý Minh Thuận			3	1	15	9	2007	1	2	Nghỉ học														
7	21	0043	Huỳnh Thị Hiền	Tổ 71	BĐ1	1	2			1960	1		Làm thuê	x	135	30				x	x	x					HNC
	22		Lê Văn Lợi			3	1	8	6	1991	1		Làm thuê														
	23		Búi Ngọc Bảo Thy			6	2	7	9	2007	1	2	Học sinh														
8	24	0048	Nguyễn Văn Lý	Tổ 55B	BĐ1	1	1	28	11	1969	1		Xe ôm	x	140	20				x		x					HNC
	25		Mai Thị Phụng			2	2			1969	1		Bán vé số														
	26		Nguyễn Trương Hoàng Đế			3	1			2007	1	1	Học sinh														
	27		Nguyễn Trương Kim Hương			3	2			2010	1	1	Học sinh														
	28		Nguyễn Trương Triệu Phú			3	1			2011	1		Học sinh														
9	29	0050	Nguyễn Thị Hoa	Tổ 60	BĐ1	1	2			1942	1		MSLĐ	x	100	20				x	x						HNC
10	30	0058	Võ Thị Kim Trắc	Tổ 60	BĐ1	1	2	25	12	1945	1		MSLĐ	x	160	40				x	x	x		x			HNC
	31		Hồ Thế Vĩnh			3	1	24	4	1979	1		Bệnh														
11	32	0192	Thái Quang Anh	Tổ 56	BĐ1	1	1			1965	1	1	Làm thuê	x	105	20		x			x						HNC
			KHÓM BÌNH ĐỨC 2								1																
12	33	0071	Nguyễn Văn Hiếu	Tổ 43	BĐ2	1	1	6	2	1942	1		MSLĐ	x	135	40				x	x		x	x			HNC
	34		Nguyễn Thị The			2	2			1946	1		MSLĐ														
13	35	0072	Nguyễn Thị Kim Hoa	Tổ 43	BĐ2	1	2			1940	1		MSLĐ	x	80	40				x	x		x		x		HNC
14	36	0074	Đỗ Văn Hùng	Tổ 48	BĐ2	1	1			1939	1		Bệnh	x	140	30				x	x	x					HNC
	37		Trần Thị Lệ			2	2			1951	1		Bệnh														
	38		Đỗ Thị Tuyết Nhung			3	2			1976	1		Bệnh														

STT hộ	STT nhân khẩu	Mã số hộ	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Giới tính	Ngày sinh			Dân tộc	Trình độ	Nghề nghiệp (ghi cụ thể)	BTXH đang hưởng (nếu có)	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản										Ghi chú
				Số nhà	Khóm			N	T	NS					B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	2	3	4	5		6	7	8			9	10	11	12	13		14										15
	39		Đỗ Thị Tuyết Nhù			3	2			1989	1		Nội trợ														
	40		Đỗ Thị Tuyết Loan			3	2			1990	1		Công nhân														
	41		Đỗ Thị Tuyết Phương			3	2			1979	1		Công nhân														
15	42	0077	Lê Kim Hồng	Tổ 51	BĐ2	2	2	11	4	1967	1		Buôn bán	x	150	30	x		x		x						HNC
	43		Lê Thị Thu Hiền			3	2	4	4	1988	1		Công nhân														
	44		Lê Văn Quý			3	1	17	5	1990	1		Bệnh														
	45		Lê Thị Diễm Kiều			3	2	20	5	1989	1		Bệnh														
	46		Lê Trung Hiếu			3	1	25	11	2007	1	2	Học sinh														
			KHÓM BÌNH ĐỨC 3								1																
16	47	0090	Võ Ngọc Châu	Tổ 74	BĐ3	1	2			1948	1		MSLĐ	x	145	30			x	x	x						HNC
	48		Nguyễn Thành Giang			3	1	5	4	1978	1		CN đông lạnh														
	49		Nguyễn Thị Thu Nga			8	2	2	2	1979	1		CN đông lạnh														
	50		Nguyễn Ngọc Thu Thảo			6	2	28	9	2004	1	2	Học sinh														
	51		Nguyễn Thành Đại Lợi			6	1	13	4	2012	1		Mẫu giáo														
	52		Nguyễn Xuân Ái			3	2			1958	1		Bệnh														
17	53	0093	Huỳnh Thị Bích Nga	Tổ 75	BĐ3	1	2			1972	1		Làm thuê	x	135	20			x	x							HNC
	54		Ngô Kỳ Tâm			2	1			1976	1		Làm thuê														
	55		Hồ Thị Trúc Ly			3	2	24	1	1993	1		Làm thuê														
	56		Huỳnh Thị Kiều Phương			3	2	17	4	2002	1	3															
	57		Ngô Kỳ An			3	1	10	5	2011	1		Học sinh														
18	58	0094	Mai Thị Lạ	Tổ 75	BĐ3	1	2			1974	1		Làm thuê	x	115	20			x	x							HNC
	59		Trương Văn Đông			3	1			2004	1	2	Học sinh														

STT hộ	STT nhân khẩu	Mã số hộ	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Giới tính	Ngày sinh			Dân tộc	Trình độ	Nghề nghiệp (ghi cụ thể)	BTXH đang hưởng (nếu có)	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản										Ghi chú
				Số nhà	Khóm			N	T	NS					B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	2	3	4	5		6	7	8			9	10	11	12	13		14										15
	60		Trương Thị Xuân			3	2			2005	1	2	Học sinh														
19	61	0102	Huỳnh Thị Đông	Tổ 48	BĐ3	1	2			1942	1		MSLĐ	x	95	30				x					x	x	HNC
20	62	0193	Đỗ Kim Xem	Tổ 74	BĐ3	1	2	4	11	1974	1	2	Làm thuê	x	130	30				x	x				x		HNC
	63		Nguyễn Hoàng Kim Yến			3	2	22	7	2002	1	3	Học sinh														
	64		Nguyễn Hoàng Long			2	1	23	6	2003	1	3	Học sinh														
			KHÓM BÌNH ĐỨC 4								1																
21	65	0122	Nguyễn Thị Sứ	Tổ 37	BĐ4	1	2			1940	1	3	Bán vé số	x	140	20				x					x		HNC
	66		Lưu Văn Kỳ			3	1			1980	1	4	Tâm thần														
22	67	0123	Huỳnh Văn Răng	Tổ 35A	BĐ4	1	1			1959	1		MSLĐ	x	140	10				x							HNC
	68		Huỳnh Kim Đang			2	2			1957	1		MSLĐ														
	69		Huỳnh Hữu Tường			3	1	29	9	1982	1		Làm hồ														
	70		Huỳnh Thị Thơ			3	2			1991	1		Làm thuê														
	71		Huỳnh Thị Thùy Trang			6	2	19	11	2008	1		Học sinh														
23	72	0126	Huỳnh Thị Giai	Tổ 36	BĐ4	1	2			1949	1		Bán vé số	x	150	30				x	x				x		HNC
24	73	0127	Nguyễn Văn Sáu	Tổ 38A	BĐ4	1	1			1958	1		Bán vé số	x	155	40				x		x			x	x	HNC
			KHÓM BÌNH ĐỨC 5								1																
25	74	0140	Phạm Ngọc Quyền	Tổ 9	BĐ5	1	1			1938	1		Học sinh	x	165	30				x	x	x					HNC
	75		Phạm Ngọc Đức			3	1	20	7	1982	1		CNĐL														
	76		Phạm Thị Tuyết Hằng			6	2	14	9	2005	1	2	Học sinh														
26	77	0142	Nguyễn Thị Xê	Tổ 12	BĐ5	1	2			1936	1		Học sinh	x	110	30				x	x				x		HNC
27	78	0144	Trần Văn Châu	Tổ 19	BĐ5	1	1	5	2	1952	1		Làm thuê	x	140	20				x	x						HNC
28	79	0145	Lê Thị Kim Chung	Tổ 10	BĐ5	1	2	20	10	1957	1		MSLĐ	x	160	30	x			x					x		HNC

STT hộ	STT nhân khẩu	Mã số hộ	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Giới tính	Ngày sinh			Dân tộc	Trình độ	Nghề nghiệp (ghi cụ thể)	BTXH đang hưởng (nếu có)	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản										Ghi chú
				Số nhà	Khóm			N	T	NS					B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	2	3	4	5		6	7	8			9	10	11	12	13		14										15
	80		Lê Thanh Phục			6	1	19	9	1989	1		Mù														
			KHÓM BÌNH ĐỨC 6								1																
29	81	0163	Đỗ Thị Nghinh	Tổ 24	BD6	1	2			1943	1		MSLĐ	x	110	20				x	x						HNC
30	82	0164	Huỳnh Thị Thảo	Tổ 24	BD6	1	2			1957	1		MSLĐ	x	140	20				x	x						HNC
	83		Dương Văn Thol			3	1			1974	1		Làm thuê														
	84		Đỗ Thị Kim Anh			3	2	12	10	1983	1		Làm thuê														
	85		Dương Văn Năng			6	1	15	7	2004	1	2	Học sinh														
	86		Dương Văn Phúc			6	1	7	5	2008	1	2	Học sinh														
31	87	0166	Nguyễn Hữu Nghĩa	Tổ 24	BD6	1	1	18	11	1951	1		MSLĐ	x	125	20				x	x						HNC
	88		Ngô Thị Kim-Be			2	2			1950	1		Bán vé số														
	89		Nguyễn Hữu Hùng			3	1			1977	1		Bệnh														
32	90	0170	Nguyễn Văn Tư	Tổ 26	BD6	1	2			1943	1		MSLĐ	x	95	40				x	x				x	x	HNC
33	91	0175	Nguyễn Thị Mai	Tổ 28	BD6	1	2			1940	1		MSLĐ	x	90	40				x	x				x	x	HNC
34	92	0176	Phan Thị Kim Phương	Tổ 29	BD6	1	2			1954	1		Bán vé số	x	115	30				x	x					x	HNC
	93		Nguyễn Hồng Loan			6	2	12	4	2000	1	3	Học sinh														
35	94	0177	Nguyễn Hồng Kiều	Tổ 30	BD6	1	2	3	11	1984	1		Buôn bán	x	105	10				x							HNC
	95		Đoàn Thị Huỳnh Nhi			3	2	9	5	2004	1	2	Học sinh														
	96		Đoàn Dự			3	1	13	8	2010	1		Học sinh														
36	97	0180	Hồ Thị Liên	Tổ 25	BD6	1	2			1942	1		MSLĐ	x	115	20				x	x						HNC
	98		Lê Đan Trường			6	1	9	4	2000	1		Làm thuê														
	99		Lê Thị Cẩm Ly			6	2	25	9	2004	1	2	Học sinh														
37	100	0190	Vô Thị Hồng Lạc	Tổ 31A	BD6	1	2	5	10	1951	1		Bán vé số	x	165	30				x	x			x			HNC

STT hộ	STT nhân khẩu	Mã số hộ	Họ và tên (chủ hộ và các thành viên)	Địa chỉ		Quan hệ với chủ hộ	Giới tính	Ngày sinh			Dân tộc	Trình độ	Nghề nghiệp (ghi cụ thể)	BTXH đang hưởng (nếu có)	Mức điểm		Mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản										Ghi chú
				Số nhà	Khóm			N	T	NS					B1	B2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	2	3	4	5		6	7	8			9	10	11	12	13		14										15
	101		Ngô Trọng Hiếu			3	1	30	4	1984	1		Làm thuê														
38	102	0195	Trần Thị Phấn	Tổ 29	BD6	1	2			1941	1	3	MSLĐ	x	115	20		x			x						CNC
	103		Nguyễn Kim Châu			6	2	2	1	2004	1	3	Học sinh														
Tổng cộng: 38 hộ, 103 nhân khẩu																	1	5	0	36	29	11	2	3	9	5	

Cán bộ giám nghèo

Nguyễn Diễm Thúy

**PHÒNG LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG PHÒNG**

Nguyễn Thị Như Ý

Bình Đức, ngày ... tháng 11 năm 2018

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Huy Thắng